

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VẬT TƯ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 28



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp Cơ điện Vật tư theo Quyết định số 97/QĐ-BCN ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Cơ điện Vật tư thành Công ty Cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100417-030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 06 năm 2005 được đăng ký thay đổi lần 5 ngày 31 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 508 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kim Lục	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Bà Đỗ Nguyệt Ánh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Bà Trần Thị Mai Hoa	Thành viên	
Bà Hà Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Thu	Thành viên	
Ông Tạ Minh Hòa	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Minh Hòa	Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Dũng	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Tạ Thị Giang	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2016)
Ông Nguyễn Tiến Dự	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016)
Bà Phạm Thị Kiều Diễm	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Dương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**TM. Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Ta Minh Hòa**

Số: 184/2017/BC.KTTC-AASC.KTI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0743-2013-002-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Diệu Trang**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0938-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>25.710.331.540</b>	<b>34.300.881.007</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.973.203.707	4.754.383.667
111 1. Tiền		4.973.203.707	4.754.383.667
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	3.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.061.233.219	13.368.375.016
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.293.496.158	13.048.063.366
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		107.389.480	-
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	5	997.107.129	671.378.689
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(336.759.548)	(351.067.039)
140 IV. Hàng tồn kho	7	10.675.894.614	13.178.122.324
141 1. Hàng tồn kho		10.675.894.614	13.178.122.324
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.879.366.222</b>	<b>8.230.677.610</b>
220 II. Tài sản cố định		7.609.475.786	8.099.176.319
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.609.475.786	8.099.176.319
222 - Nguyên giá		24.114.287.793	23.614.609.593
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(16.504.812.007)	(15.515.433.274)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		170.767.528	-
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	170.767.528	-
260 VI. Tài sản dài hạn khác		99.122.908	131.501.291
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	99.122.908	131.501.291
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>33.589.697.762</b>	<b>42.531.558.617</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.596.671.236</b>	<b>18.095.120.906</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.596.671.236</b>	<b>18.095.120.906</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.330.325.891	7.060.905.036
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		138.000.000	35.000
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	819.677.100	2.753.952.351
314 4. Phải trả người lao động		1.726.209.617	2.412.657.124
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	892.698.550
318 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	187.712.845	250.091.692
319 7. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.087.390.769	334.540.795
320 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	3.836.132.530
322 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		307.355.014	554.107.828
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>23.993.026.526</b>	<b>24.436.437.711</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>23.993.026.526</b>	<b>24.436.437.711</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		22.000.000.000	22.000.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		1.569.955.145	1.569.955.145
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		423.071.381	866.482.566
421b - LNST chưa phân phối năm nay		423.071.381	866.482.566
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>33.589.697.762</b>	<b>42.531.558.617</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Kim Chi

Lưu Thị Ninh

Tạ Minh Hòa



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	(Phân loại lại) VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	58.422.829.394	51.116.459.158
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	771.795.110
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.422.829.394	50.344.664.048
11 4. Giá vốn hàng bán	18	49.682.207.583	41.588.844.256
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.740.621.811	8.755.819.792
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	20.416.240	202.522.256
22 7. Chi phí tài chính	20	53.889.832	84.133.135
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		53.889.832	84.133.135
25 8. Chi phí bán hàng	21	1.349.739.362	1.108.668.467
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.797.081.600	6.941.680.157
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		560.327.257	823.860.289
31 11. Thu nhập khác		555.479	293.562.472
32 12. Chi phí khác		21.928.000	180
40 13. Lợi nhuận khác		(21.372.521)	293.562.292
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		538.954.736	1.117.422.581
51 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	115.883.355	250.940.015
60 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>423.071.381</u>	<u>866.482.566</u>
70 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	192	394

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Lưu Thị Ninh

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



T. Minh Hòa

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>538.954.736</b>	<b>1.117.422.581</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	989.378.733	971.207.844
03	- Các khoản dự phòng	(14.307.491)	(115.103.560)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(20.416.240)	(278.340.438)
06	- Chi phí lãi vay	53.889.832	84.133.135
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>1.547.499.570</b>	<b>1.779.319.562</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	3.761.323.774	246.561.791
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	2.502.227.710	(5.104.786.481)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(4.306.634.383)	(364.422.517)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	32.378.383	(110.347.032)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(53.889.832)	(84.133.135)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(864.791.284)	(265.565.016)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(453.235.380)	(186.166.527)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.164.878.558</b>	<b>(4.089.539.355)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(670.445.728)	(285.062.553)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	75.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(3.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.000.000.000	3.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	193.416.240	295.845.855
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>2.522.970.512</b>	<b>86.601.484</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu đi vay	3.778.478.290	6.836.132.530
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(7.614.610.820)	(6.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(632.896.500)	(437.495.325)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(4.469.029.030)</b>	<b>398.637.205</b>

HÀNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		218.820.040	(3.604.300.666)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.754.383.667	8.358.684.333
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.973.203.707</u>	<u>4.754.383.667</u>

Người lập biểu

Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng

Lưu Thị Ninh

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Ta Minh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp Cơ điện Vật tư theo Quyết định số 97/QĐ-BCN ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Cơ điện Vật tư thành Công ty Cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100417-030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 06 năm 2005 được đăng ký thay đổi lần 5 ngày 31 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 508 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 VND.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực buôn bán các vật tư, thiết bị điện, sửa chữa máy biến áp và cho thuê bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Kinh doanh, cung ứng, bảo quản vật tư thiết bị, xăng dầu và nguyên vật liệu sản xuất;
- Sửa chữa, cải tạo phục hồi và chế tạo máy biến áp lực;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình điện đến cấp điện áp 220KV;
- Cho thuê văn phòng, kho, xưởng.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với hoạt động sản xuất dây cáp điện, giá trị sản phẩm dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Đối với hoạt động sửa chữa máy biến áp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	10 năm

## 2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.11 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê bất động sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

1125  
GTY  
M HUU  
M TOP  
SC  
TP. A

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.15 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	75.696.982	99.346.479
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.897.506.725	4.655.037.188
	<b>4.973.203.707</b>	<b>4.754.383.667</b>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty Điện lực Phú Thọ	188.787.284	2.809.331.706
Công ty Điện lực Hải Dương	3.337.107.731	6.280.447.609
Công ty Điện lực Hòa Bình	1.403.727.859	546.153.483
Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	2.589.271.525	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.774.601.759	3.412.130.568
	<b>9.293.496.158</b>	<b>13.048.063.366</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	<b>8.485.615.588</b>	<b>6.965.707.988</b>



5 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi	-	-	173.000.000	-
Phải thu thuế TNCN của CBNV	134.353.122	-	210.460.584	-
Tạm ứng	206.983.131	-	169.234.846	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	110.950.000	-
Nguyễn Ngọc Dũng	164.300.000	-	-	-
Khoản truy thu, phạt thuế chờ xử lý (*)	438.925.176	-	-	-
Phải thu khác	52.545.700	-	7.733.259	-
	<b>997.107.129</b>	<b>-</b>	<b>671.378.689</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản truy thu tiền phạt thuế TNDN, GTGT theo Quyết định xử lý phạt thuế số 32740 ngày 20/05/2016 của Cục thuế thành phố Hà Nội đang chờ quyết định xử lý của Đại hội đồng Cổ đông.

6 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban quản lý các công trình điện miền Bắc	226.125.920	-	226.125.920	-
- Công ty Điện lực Hà Tĩnh	-	-	15.400.000	-
- Công ty Điện lực Nghệ An	43.083.601	-	43.083.601	-
- Công ty Điện lực Phú Thọ	188.787.284	121.237.257	2.809.331.706	2.762.046.688
- Công ty Điện lực Lai Châu	-	-	220.335.000	213.807.000
- Công ty Điện lực Sơn La	-	-	25.289.000	12.644.500
	<b>457.996.805</b>	<b>121.237.257</b>	<b>3.339.565.227</b>	<b>2.988.498.188</b>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.451.776.088	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.704.278.359	-	3.650.104.730	-
Công cụ, dụng cụ	267.100.120	-	1.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.848.829.799	-	1.749.405.848	-
Thành phẩm	3.394.945.152	-	4.789.605.740	-
Hàng hóa	460.741.184	-	1.536.229.918	-
	<b>10.675.894.614</b>	<b>-</b>	<b>13.178.122.324</b>	<b>-</b>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cải tạo đường nội bộ trong công ty	170.767.528	-
	<b>170.767.528</b>	<b>-</b>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	14.082.181.578	6.251.480.934	2.216.319.118	511.516.329	553.111.634	23.614.609.593
- Mua trong năm	-	57.500.000	-	-	-	57.500.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	442.178.200	-	-	-	-	442.178.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.524.359.778</b>	<b>6.308.980.934</b>	<b>2.216.319.118</b>	<b>511.516.329</b>	<b>553.111.634</b>	<b>24.114.287.793</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	8.612.235.106	3.885.532.441	1.953.037.764	511.516.329	553.111.634	15.515.433.274
- Khấu hao trong năm	383.841.302	495.793.003	109.744.428	-	-	989.378.733
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.996.076.408</b>	<b>4.381.325.444</b>	<b>2.062.782.192</b>	<b>511.516.329</b>	<b>553.111.634</b>	<b>16.504.812.007</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	5.469.946.472	2.365.948.493	263.281.354	-	-	8.099.176.319
Tại ngày cuối năm	5.528.283.370	1.927.655.490	153.536.926	-	-	7.609.475.786

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 9.649.150.595 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	99.122.908	131.501.291
	<b>99.122.908</b>	<b>131.501.291</b>

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Thoa Anh Ngọc	955.247.832	955.247.832	-	-
Công ty Điện lực Hải Dương	959.562.869	959.562.869	2.239.993.143	2.239.993.143
Công ty Điện lực Bắc Giang	676.275.600	676.275.600	353.496.550	353.496.550
Công ty Điện lực Hà Tĩnh	730.287.944	730.287.944	-	-
Phải trả người bán khác	2.008.951.646	2.008.951.646	4.467.415.343	4.467.415.343
	<b>5.330.325.891</b>	<b>5.330.325.891</b>	<b>7.060.905.036</b>	<b>7.060.905.036</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>3.090.390.523</b>	<b>3.090.390.523</b>	<b>4.741.821.683</b>	<b>4.741.821.683</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)</i>				

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	673.156.674	5.836.045.061	6.470.404.901	38.796.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp	126.172.345	854.502.294	864.791.284	115.883.355
Thuế thu nhập cá nhân	31.927.153	84.267.631	105.626.705	10.568.079
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.878.028.738	2.221.345.829	3.487.624.167	611.750.400
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	44.667.441	719.706.259	721.695.268	42.678.432
	<b>2.753.952.351</b>	<b>9.718.867.074</b>	<b>11.653.142.325</b>	<b>819.677.100</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.994.361	10.641.108
Bảo hiểm xã hội	24.650.029	-
Bảo hiểm y tế	5.702.033	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.255.836	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	78.440.239	51.336.739
- Phải trả cổ đông khác tiền cổ tức năm 2010 - 2012	11.931.879	13.829.979
- Phải trả cổ đông khác tiền cổ tức năm 2014	27.788.260	37.506.760
- Phải trả cổ đông khác tiền cổ tức năm 2015	38.720.100	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	956.348.271	272.562.948
- Tiền đặt cọc thuê kho	120.840.000	141.840.000
- Phải trả Phân xưởng sửa chữa Máy biến áp	730.335.408	108.500.000
- Các khoản phạt trả khác	105.172.863	22.222.948
	<b>1.087.390.769</b>	<b>334.540.795</b>

**14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Doanh thu nhận trước của hoạt động cho thuê văn phòng, kho, xưởng	187.712.845	250.091.692
	<b>187.712.845</b>	<b>250.091.692</b>

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	22.000.000.000	1.569.955.145	885.522.690	24.455.477.835
Lãi trong năm trước	-	-	866.482.566	866.482.566
Phân phối lợi nhuận	-	-	(885.522.690)	(885.522.690)
Số dư cuối năm trước	<b>22.000.000.000</b>	<b>1.569.955.145</b>	<b>866.482.566</b>	<b>24.436.437.711</b>
Lãi trong năm nay	-	-	423.071.381	423.071.381
Phân phối lợi nhuận	-	-	(866.482.566)	(866.482.566)
Số dư cuối năm	<b>22.000.000.000</b>	<b>1.569.955.145</b>	<b>423.071.381</b>	<b>23.993.026.526</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 05 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		866.482.566
Trích Quỹ Khen thưởng	12,00	103.241.283
Trích Quỹ Phúc lợi	12,00	103.241.283
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 300 VND)	76,00	660.000.000

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	11.220.400.000	51,00	11.220.400.000	51,00
Ông Ngô Văn Hùng	2.350.000.000	10,68	-	-
Các cổ đông khác	8.429.600.000	38,32	10.779.600.000	49,00
	<u>22.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>22.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.569.955.145	1.569.955.145
	<u>1.569.955.145</u>	<u>1.569.955.145</u>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	42.394.345.678	36.281.106.199
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho, xưởng	6.417.175.811	6.064.055.707
Doanh thu hợp đồng xây lắp, cải tạo đường dây	-	424.330.178
Doanh thu sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	9.611.307.905	8.346.967.074
	<b>58.422.829.394</b>	<b>51.116.459.158</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)</i>	<b>38.335.139.124</b>	<b>32.656.670.033</b>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hàng bán bị trả lại	-	771.795.110
	-	<b>771.795.110</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	39.136.868.852	32.153.659.698
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.430.314.743	1.501.304.975
Giá vốn hợp đồng xây lắp, cải tạo đường dây	-	422.701.933
Giá vốn sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	8.115.023.988	7.511.177.650
	<b>49.682.207.583</b>	<b>41.588.844.256</b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	20.416.240	202.522.256
	<b>20.416.240</b>	<b>202.522.256</b>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	53.889.832	84.133.135
	<b>53.889.832</b>	<b>84.133.135</b>

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.307.700	16.250.000
Chi phí nhân công	235.552.413	220.991.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.179.376	327.577.061
Chi phí khác bằng tiền	452.699.873	543.849.970
	<b>1.349.739.362</b>	<b>1.108.668.467</b>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.862.833	568.749.427
Chi phí nhân công	1.353.291.771	1.463.679.712
Thuế, phí và lệ phí	2.224.345.829	2.322.213.007
Hoàn nhập dự phòng	(14.307.491)	(115.103.560)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	510.869.282	65.901.583
Chi phí khác bằng tiền	2.582.019.376	2.636.239.988
	<b>6.797.081.600</b>	<b>6.941.680.157</b>

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	538.954.736	1.117.422.581
Các khoản điều chỉnh tăng	40.462.040	23.213.853
- <i>Thu lao HĐQT không điều hành</i>	<i>18.534.040</i>	<i>19.863.853</i>
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>21.928.000</i>	<i>3.350.000</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	579.416.776	1.140.636.434
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>115.883.355</b>	<b>250.940.015</b>
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo Biên bản thanh tra thuế số 32740 ngày 20/05/2016	738.618.939	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	126.172.345	140.797.346
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(864.791.284)	(265.565.016)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>115.883.355</b>	<b>126.172.345</b>



**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	423.071.381	866.482.566
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	423.071.381	866.482.566
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.200.000	2.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>192</b>	<b>394</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.458.673.815	18.104.538.863
Chi phí nhân công	7.929.975.561	6.426.681.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	989.378.733	971.207.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.957.744.335	7.816.099.389
Chi phí khác bằng tiền	3.054.180.891	2.433.114.704
	<b>36.389.953.335</b>	<b>35.751.642.384</b>

**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	4.973.203.707	-	4.754.383.667	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.290.603.287	(336.759.548)	13.719.442.055	(351.067.039)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	3.000.000.000	-
	<b>15.263.806.994</b>	<b>(336.759.548)</b>	<b>21.473.825.722</b>	<b>(351.067.039)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	-	3.836.132.530
Phải trả người bán, phải trả khác	6.417.716.660	7.395.445.831
Chi phí phải trả	-	892.698.550
	<b>6.417.716.660</b>	<b>12.124.276.911</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và tương đương tiền	4.973.203.707	-	-	4.973.203.707
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.953.843.739	-	-	9.953.843.739
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	<b>14.927.047.446</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.927.047.446</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và tương đương tiền	4.754.383.667	-	-	4.754.383.667
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.368.375.016	-	-	13.368.375.016
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	<b>21.122.758.683</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.122.758.683</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	6.417.716.660	-	-	6.417.716.660
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>6.417.716.660</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.417.716.660</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	3.836.132.530	-	-	3.836.132.530
Phải trả người bán, phải trả khác	7.395.445.831	-	-	7.395.445.831
Chi phí phải trả	892.698.550	-	-	892.698.550
	<u>12.124.276.911</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.124.276.911</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Tại ngày 16/01/2017, Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVNNPC) đã bán toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư là 1.122.040 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 51%. Theo đó, kể từ ngày 16/01/2017, Công ty không còn là công ty con của EVNNPC.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động sản xuất và kinh doanh vật tư điện VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động sửa máy biến áp và xây lắp VND	Tổng cộng các bộ phận VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	42.394.345.678	6.417.175.811	9.611.307.905	58.422.829.394
<b>Lợi nhuận từ hoạt động</b>	<u>3.257.476.826</u>	<u>3.986.861.068</u>	<u>1.496.283.917</u>	<u>8.740.621.811</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	670.445.728
Tài sản bộ phận	9.897.905.981	4.775.332.443	239.319.569	14.912.557.993
Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.006.694.041
<b>Tổng tài sản</b>	<u>9.897.905.981</u>	<u>4.775.332.443</u>	<u>239.319.569</u>	<u>33.589.697.762</u>

	Hoạt động sản xuất và kinh doanh vật tư điện VND	Hoạt động cho thuê văn phòng VND	Hoạt động sửa máy biến áp và xây lắp VND	Tổng cộng các bộ phận VND
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	9.596.671.236
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.596.671.236</b>

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## 29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu cho thuê kho</b>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVNNPC)	Công ty mẹ	672.000.000	672.000.000
- Ban Quản lý dự án phát triển điện lực	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC	117.000.000	67.200.000
- Ban Quản lý dự án phát triển lưới điện	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC	48.000.000	
<b>Doanh thu bán hàng và sửa chữa máy biến áp</b>			
Các Công ty Điện lực tỉnh	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC	37.498.139.124	31.917.470.033

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Các Công ty Điện lực tỉnh	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC	8.300.815.588	6.780.907.988
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Công ty mẹ	184.800.000	184.800.000
<b>Phải trả cho người bán</b>			
Các Công ty Điện lực tỉnh	Đơn vị hạch toán phụ thuộc EVNNPC	3.090.390.523	4.741.821.683

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	762.085.765	930.469.030

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên</u> <u>báo cáo năm trước</u> VND
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Chi phí bán hàng	25	1.108.668.467	1.516.960.135
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.941.680.157	6.533.388.489

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Lưu Thị Ninh

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Tạ Minh Hòa